

Số: 2040 /TTr-BNV

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã
của tỉnh Tuyên Quang (mới) năm 2025**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang đã xây dựng các hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã năm 2025 trình Chính phủ (tại Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 27/4/2025 của UBND tỉnh Hà Giang). Căn cứ Mục II Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 14/4/2025 của Hội nghị Trung ương 11 Khóa XIII (tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang sẽ sắp xếp, nhập thành tỉnh Tuyên Quang mới) và quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15, Bộ Nội vụ đã thẩm định Đề án của 02 tỉnh và tổng hợp, xây dựng thành 01 Đề án của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Tuyên Quang (mới). Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ như sau:

I. ĐỀ NGHỊ CỦA UBND TỈNH TUYÊN QUANG VÀ TỈNH HÀ GIANG

1. Số lượng ĐVHC cấp xã của tỉnh Tuyên Quang (mới) thực hiện sắp xếp năm 2025

a) Khái quát:

Tỉnh Tuyên Quang (mới) bao gồm tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang hiện nay, có diện tích tự nhiên 13.795,51 km² và quy mô dân số 1.865.270 người¹; có 330 ĐVHC cấp xã (296 xã, 15 phường, 19 thị trấn). Trong đó:

- Tỉnh Tuyên Quang có diện tích tự nhiên 5.867,95 km² và quy mô dân số 921.187 người; có 07 đơn vị ĐVHC cấp huyện (6 huyện và 01 thành phố); 137 ĐVHC cấp xã (121 xã, 10 phường, 06 thị trấn).

- Tỉnh Hà Giang có diện tích tự nhiên 7.927,56 km² và quy mô dân số 944.083 người; có 11 ĐVHC cấp huyện (10 huyện và 01 thành phố); 193 ĐVHC cấp xã (175 xã, 05 phường, 13 thị trấn).

¹ Số liệu diện tích tự nhiên theo Quyết định số 3411/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai của cả nước năm 2023. Số liệu quy mô dân số do Công an tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang cung cấp.

b) ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: 317 đơn vị (283 xã, 15 phường và 19 thị trấn). Trong đó: Tỉnh Tuyên Quang có 134 đơn vị (118 xã, 10 phường và 06 thị trấn); tỉnh Hà Giang có 183 đơn vị (165 xã, 05 phường và 13 thị trấn).

c) ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp: 13 đơn vị (08 đơn vị đã bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định và 05 đơn vị có yếu tố đặc thù). Trong đó:

- Tỉnh Tuyên Quang hiện nay có 02 ĐVHC cấp xã đã bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định (xã Trung Hà thuộc huyện Chiêm Hóa và xã Kiến Thiết thuộc huyện Yên Sơn) và 01 ĐVHC cấp xã có yếu tố đặc thù (xã Hùng Đức thuộc huyện Hàm Yên);

- Tỉnh Hà Giang hiện nay có 06 ĐVHC cấp xã đã bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định (xã Minh Sơn thuộc huyện Bắc Mê, xã Minh Tân, xã Thuận Hóa, xã Tùng Bá, xã Thượng Sơn, xã Cao Bồ thuộc huyện Vị Xuyên) và 04 ĐVHC cấp xã có yếu tố đặc thù (xã Ngọc Long thuộc huyện Yên Minh, xã Giáp Trung thuộc huyện Bắc Mê, xã Tiên Nguyên thuộc huyện Quang Bình, xã Quảng Nguyên thuộc huyện Xín Mần).

2. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Tuyên Quang (mới)

a) UBND tỉnh Tuyên Quang hiện nay xây dựng 48 phương án sắp xếp 134 ĐVHC cấp xã để hình thành 48 ĐVHC cấp xã mới, giảm 86 đơn vị, cụ thể như sau:

- 19 phương án nhập nguyên trạng 02 ĐVHC cấp xã thành 01 ĐVHC cấp xã mới;

- 29 phương án nhập nguyên trạng từ 03 ĐVHC cấp xã trở lên thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

b) UBND tỉnh Hà Giang hiện nay xây dựng 63 phương án sắp xếp 183 ĐVHC cấp xã để hình thành 63 ĐVHC cấp xã mới, giảm 120 đơn vị, cụ thể như sau:

- 20 phương án nhập nguyên trạng 02 ĐVHC cấp xã thành 01 ĐVHC cấp xã mới;

- 43 phương án nhập nguyên trạng từ 03 ĐVHC cấp xã trở lên thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

c) Như vậy, UBND các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang hiện nay xây dựng tổng số 111 phương án sắp xếp 317 ĐVHC cấp xã để hình thành 111 ĐVHC cấp xã mới thuộc tỉnh Tuyên Quang mới, giảm 206 đơn vị, cụ thể như sau:

- 39 phương án nhập nguyên trạng 02 ĐVHC cấp xã thành 01 ĐVHC cấp xã mới;

- 72 phương án nhập nguyên trạng từ 03 ĐVHC cấp xã trở lên thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

(Chi tiết phương án tại Phụ lục kèm theo)

3. Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025

Sau sắp xếp, tỉnh Tuyên Quang hiện nay còn 51 ĐVHC cấp xã, giảm 86 ĐVHC cấp xã so với trước khi sắp xếp (đạt tỷ lệ 64,17%); tỉnh Hà Giang hiện nay còn 73 ĐVHC cấp xã, giảm 120 ĐVHC cấp xã so với trước khi sắp xếp (đạt tỷ lệ 65,57%).

Như vậy, tỉnh Tuyên Quang (mới) dự kiến có tổng số 124 ĐVHC cấp xã (07 phường, 117 xã), giảm 206 ĐVHC cấp xã so với trước khi sắp xếp (đạt tỷ lệ 64,87%).

4. Về đề nghị không thực hiện sắp xếp 13 ĐVHC cấp xã

UBND tỉnh Tuyên Quang hiện nay đề nghị không thực hiện sắp xếp 03 ĐVHC cấp xã (có 02 ĐVHC cấp xã đã bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định và 01 ĐVHC cấp xã có yếu tố đặc thù); UBND tỉnh Hà Giang hiện nay đề nghị không thực hiện sắp xếp 10 ĐVHC cấp xã (06 ĐVHC cấp xã đã bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định và 04 ĐVHC cấp xã có yếu tố đặc thù) (*chi tiết tại Đề án kèm theo*).

5. Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã

Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp ĐVHC được thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị quyết số 76/2025/QH15 (*chi tiết tại Đề án kèm theo*).

6. Về sắp xếp trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC cấp xã

Việc bố trí, sử dụng trụ sở, xử lý tài chính, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC cấp xã được thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài chính, tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính; bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

II. ĐỀ XUẤT CỦA BỘ NỘI VỤ

1. Về hồ sơ Đề án: UBND các tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang đã thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15.

2. Về trình tự thủ tục lập Đề án

a) Trên cơ sở Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 và các Văn bản hướng dẫn của các cơ quan trung ương, UBND các tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang đã xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và thông qua HĐND các cấp theo quy định. Kết quả lấy ý kiến Nhân dân đạt tỷ lệ cử tri đồng thuận cao (trong đó, tỉnh Tuyên Quang đạt trung bình là 99,81% và tỉnh Hà Giang đạt trung bình là 95%) và 100% HĐND cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh của 02 tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang đã biểu quyết tán thành.

b) Bộ Nội vụ đã thẩm định hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 của từng tỉnh và tổng hợp, xây dựng thành 01 Đề án của Chính phủ về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 của tỉnh Tuyên Quang (mới).

3. Tiêu chuẩn của 111 ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp

a) Số ĐVHC cấp xã đạt định hướng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số: Có 96/111 ĐVHC cấp xã sau sắp xếp (đạt tỷ lệ 86,49%) bảo đảm quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15.

b) Số ĐVHC cấp xã chưa đạt định hướng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số: Có 15/111 ĐVHC cấp xã (chiếm tỷ lệ 13,51%) chưa đạt định hướng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số nhưng không thể sắp xếp thêm với các ĐVHC cấp xã liền kề. Tại Đề án đã giải trình rõ lý do và đề nghị áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15.

Bộ Nội vụ thống nhất với đề xuất của địa phương, đề nghị Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

4. Đề xuất, kiến nghị

Bộ Nội vụ thống nhất đề nghị của UBND các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang hiện nay (tại Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 28/4/2025 UBND tỉnh Tuyên Quang và Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 27/4/2025 UBND tỉnh Hà Giang).

Kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định.

(Kèm theo dự thảo Tờ trình, dự thảo Đề án của Chính phủ, dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản, tài liệu liên quan)./. PM

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- UBND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND tỉnh Hà Giang;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trương Hải Long;
- Lưu: VT, CQĐP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Hải Long

PHỤ LỤC THÔNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 2010 /TTr-BNV ngày 04/5/2025 của Bộ Nội vụ)



TT	Tên ĐVHC cấp xã mới		Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số (người)				Khu vực miền núi vùng	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù
				Diện tích (km2)	Tỷ lệ %	Dân số (người)	Tỷ lệ %	Số dân tộc thiểu số (người)	Tỷ lệ %			
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A		TỈNH TUYÊN QUANG										
I		Huyện Lâm Bình										
1	Xã Thượng Lâm	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Khuôn Hà, Thượng Lâm.	1	277,16	277,16	9.886	197,72	9.624	97,35	x		
2	Xã Lâm Bình	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phúc Yên, Xuân Lập và thị trấn Lăng Can	2	327,65	327,65	12.399	247,98	12.245	98,76	x		
3	Xã Minh Quang	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Minh Quang, Phúc Sơn, Hồng Quang	2	191,34	191,34	20.122	402,44	18.099	89,95	x		
4	Xã Bình An	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Bình An, Thổ Bình	1	121,40	121,40	10.225	204,50	9.790	95,75	x		
II		Huyện Na Hang										
1	Xã Côn Lôn	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Xã Sinh Long, Côn Lôn	1	160,76	160,76	5.734	114,68	5.706	99,51	x		
2	Xã Yên Hoa	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Xã Khâu Tinh, Yên Hoa	1	143,83	143,83	7.323	146,46	7.183	98,09	x		
3	xã Thượng Nông	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Thượng Nông, Thượng Giáp	1	79,83	79,83	7.204	144,08	7.161	99,40	x		Sau sắp xếp, xã Thượng Nông chưa đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích; tuy nhiên, do địa hình phức tạp, chia cắt bởi nhiều dãy núi cao, có chênh cao so với các ĐVHC liền kề khác; mặt khác một số ĐVHC liền kề đã có diện tích tự nhiên lớn, nếu sáp nhập thêm sẽ dẫn đến xã Thượng Nông sau sắp xếp sẽ có diện tích rất lớn, trong khi dân số phân bố không tập trung, khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền, hiệu quả phục vụ Nhân dân thấp, gây khó khăn trong đi lại, giao dịch của người dân với chính quyền cơ sở. Do đó không thể thực hiện sáp nhập thêm với các ĐVHC liền kề khác.

4	Xã Hồng Thái	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Xã Hồng Thái, Đà Vĩ và Sơn Phú	2	222,59	222,59	11.296	225,92	11.111	98,36	x		
5	Xã Nà Hang	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã:: Năng Khả, Thanh Tương và Thị trấn Na Hang	2	256,53	256,53	17.364	347,28	13.706	78,93	x		
III		Huyện Chiêm Hóa								x		
1	Xã Tân Mỹ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Tân Mỹ, Hùng Mỹ	1	137,31	137,31	15.201	304,02	13.804	90,81	x		
2	Xã Yên Lập	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Yên Lập, Bình Phú	1	103,59	103,59	10.280	205,60	9.515	92,56	x		
3	Xã Tân An	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Hà Lang, Tân An.	1	133,27	133,27	11.075	221,50	10.106	91,25	x		
4	Xã Chiêm Hoá	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Xuân Quang, Phúc Thịnh, Ngọc Hội, Trung Hoà và Thị trấn Vĩnh Lộc.	4	111,65	111,65	30.329	606,58	15.326	50,53	x		
5	Xã Hoà An	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Tân Thịnh, Nhân Lý, Hoà An.	2	66,71	66,71	13.208	264,16	11.338	85,84	x		
6	Xã Kiên Đài	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phú Bình, Kiên Đài	1	130,82	130,82	9.351	187,02	8.478	90,66	x		
7	Xã Tri Phú	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Linh Phú, Tri Phú.	1	170,26	170,26	8.686	173,72	8.424	96,98	x		
8	Xã Kim Bình	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Vinh Quang, Kim Bình, Bình Nhân.	2	92,09	92,09	16.873	337,46	11.286	66,89	x		

9	Xã Yên Nguyên	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Hoà Phú, Yên Nguyên.	1	97,36	97,36	16.024	320,48	12.263	76,53	x		Sau sắp xếp, xã Yên Nguyên xấp xỉ tiêu chuẩn về diện tích; tuy nhiên, do xã Yên Nguyên và Hoà Phú cùng nằm trong một vùng lòng chảo, ngăn cách với các ĐVHC xã liền kề khác bởi các dãy núi cao; mặt khác một số ĐVHC liền kề đã có diện tích tự nhiên lớn, nếu sáp nhập thêm với xã Yên Nguyên sẽ dẫn đến xã sau sắp xếp sẽ có diện tích lớn, trong khi dân số phân bố không tập trung, khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền, hiệu quả phục vụ Nhân dân thấp, gây khó khăn trong đi lại, giao dịch của người dân với chính quyền cơ sở. Do đó không thể thực hiện sáp nhập thêm với các ĐVHC liền kề khác.
9	Xã Trung Hà	Giữ nguyên xã Trung Hà	0	103,18	103,18	8.303	166,06	8.121	97,81			
IV		Huyện Hàm Yên										
1	Xã Yên Phú	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Yên Lâm, Yên Phú.	1	222,57	222,57	14.890	297,80	8.970	60,24	x		
2	Xã Bạch Xa	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Yên Thuận, Bạch Xa, Minh Khương.	2	127,41	127,41	15.309	306,18	12.189	79,62	x		
3	Xã Phù Lưu	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phù Lưu, Minh Dân.	2	120,45	120,45	16.154	323,08	13.216	81,81	x		
4	Xã Hàm Yên	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Bằng Cốc Nhân Mục, Tân Thành và thị trấn Tân Yên	2	126,19	126,19	29.508	590,16	17.320	58,70	x		
5	Xã Bình Xa	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Minh Hương, Bình Xa.	1	91,17	91,17	17.998	359,96	12.865	71,48	x		Sau sắp xếp xã Bình Xa chưa đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên theo quy định. Tuy nhiên, do đặc điểm, điều kiện về địa hình không phù hợp khi thực hiện sáp nhập được với các ĐVHC liền kề khác; đồng thời hiện tại, xã Bình Xa đã có quy mô dân số lớn (17.998 người, đạt 359,96% so với tiêu chuẩn), nếu sáp nhập thêm với ĐVHC liền kề khác sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền cơ sở; ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn xã sau sắp xếp; không thuận lợi cho việc đi lại, giao dịch giữa người dân và chính quyền địa phương.

6	Xã Thái Sơn	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Thái Sơn, Thành Long	1	93,54	93,54	16.385	327,70	11.361	69,34	x		Sau sắp xếp xã Thái Sơn chưa đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên theo quy định. Tuy nhiên, sau sắp xếp, xã Bình Xa đã có quy mô dân số lớn (16.385 người, đạt 327,70 % so với tiêu chuẩn), nếu sáp nhập thêm với ĐVHC liên kề khác sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền, chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân bị ảnh hưởng không thuận lợi cho việc đi lại, giao dịch của người dân với chính quyền địa phương.
7	Xã Thái Hoà	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Thái Hoà, Đức Ninh	1	55,60	55,60	18.289	365,78	5.969	32,64	x		Sau sắp xếp xã Thái Hòa chưa đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên theo quy định. Tuy nhiên, do đặc điểm, điều kiện về địa hình; giao thông đi lại với các ĐVC liên kề khác còn có nhiều khó khăn, không phù hợp khi thực hiện sáp nhập thêm; đồng thời hiện tại, xã Thái Hòa đã có quy mô dân số lớn (18.289 người, đạt 365,78 % so với tiêu chuẩn), nếu sáp nhập thêm với ĐVHC liên kề khác sẽ dẫn đến quy mô dân số càng lớn nhưng phân bố không tập trung, gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền cơ sở; ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn xã sau sắp xếp; không thuận lợi cho việc đi lại, giao dịch giữa người dân và chính quyền địa phương.
8	Xã Hùng Đức	Giữ nguyên xã Hùng Đức	0	63,63	63,63	10.368	207,36	8.012	77,28			
V		Huyện Yên Sơn										
1	Xã Hùng Lợi	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Hùng Lợi, Trung Minh	1	168,93	168,93	10.882	217,64	10.624	97,63	x		
2	Xã Trung Sơn	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Đạo Viện, Trung Sơn, Công Đa.	2	134,29	134,29	10.952	219,04	8.303	75,81	x		
3	Xã Thái Bình	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phú Thịnh, Tiến Bộ và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thái Bình	2	102,59	102,59	13.803	276,06	4.703	34,07	x		

4	Xã Tân Long	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Tân Tiến, Tân Long	1	95,32	95,32	10.976	219,52	6.628	60,39	x		Sau sắp xếp, xã Tân Long chưa đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích; tuy nhiên, do đặc điểm địa hình, xã Tân Long và xã Tân Tiến tiếp giáp liền nhau nhưng lại bị ngăn cách với các ĐVHC liền kề khác bởi sông Lô và các dãy núi cao nên không thể sáp nhập thêm với các ĐVHC liền kề khác; sau sắp xếp xã Tân Long đx có quy mô dân số tương đối lớn (10.976 người, đạt 219,52 % so với tiêu chuẩn) nếu sáp nhập thêm sẽ dẫn đến xã Tân Long sau sắp xếp có quy mô dân số càng lớn, trong khi phân bố không tập trung, gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền, hiệu quả phục vụ Nhân dân thấp, việc đi lại, giao dịch của người dân với chính quyền cơ sở càng khó khăn. Do đó không thể thực hiện sáp nhập thêm với các ĐVHC liền kề khác.
5	Xã Xuân Vân	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Trung Trực, Xuân Vân, Phúc Ninh	2	104,25	104,25	19.020	380,40	9.662	50,80	x		
6	Xã Lục Hành	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Quý Quân, Lục Hành, Chiêu Yên	2	87,97	87,97	11.022	220,44	7.342	66,61	x		
7	Xã Yên Sơn	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Tứ Quận, Lang Quán, Chân Sơn và thị trấn Yên Sơn	3	117,92	117,92	31.560	631,20	17.892	56,69	x		
8	Xã Nhữ Khê	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nhữ Hán, Nhữ Khê, Đội Bình	2	59,04	59,04	21.799	435,98	8.568	39,30	x		
9	Xã Kiến Thiết	Giữ nguyên xã Kiến Thiết	0	109,48	109,48	6.783	135,66	5.968	87,98			
VI		Huyện Sơn Dương										
1	Xã Tân Trào	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Kim Quan, Trung Yên, Tân Trào.	2	98,57	98,57	14.911	298,22	13.072	87,67	x		
2	Xã Minh Thanh	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Minh Thanh, Bình Yên, Lương Thiện	2	78,57	78,57	13.453	269,06	11.033	82,01	x		

3	Xã Sơn Dương	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Hợp Thành, Phúc Ứng, Tú Thịnh và thị trấn Sơn Dương.	3	123,17	123,17	41.954	839,08	15.009	35,77	x		
4	Xã Bình Ca	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Thượng Âm, Cấp Tiến, Vĩnh Lợi	2	69,48	69,48	24.339	486,78	8.227	33,80	x		
5	Xã Tân Thanh	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Kháng Nhật, Hợp Hòa, Tân Thanh	2	114,42	114,42	18.856	377,12	9.986	52,96	x		
6	Xã Sơn Thủy	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Ninh Lai, Thiện Kế, Sơn Nam	2	76,13	76,13	28.259	565,18	18.923	66,96	x		
7	Xã Phú Lương	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Đại Phú, Phú Lương, Tam Đa	2	85,65	85,65	27.300	546,00	14.885	54,52	x		
8	Xã Trường Sinh	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Trường Sinh, Hào Phú, Đông Lợi	2	53,36	53,36	17.615	352,30	3.837	21,78	x		
9	Xã Hồng Sơn	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Chi Thiết, Hồng Sơn, Văn Phú.	2	44,22	44,22	19.417	388,34	7.287	37,53	x		
10	Xã Đông Thọ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Đồng Quý, Đông Thọ, Quyết Thắng	2	74,86	74,86	18.085	361,70	11.623	64,27	x		
VII		Thành phố Tuyên Quang										
1	Phường Mỹ Lâm	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Mỹ Bằng, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Phú và toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Phường Mỹ Lâm	2	80,20	1458,18	31.446	209,64	14.999	47,70	x		
2	Phường Minh Xuân	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường: Ý La, Tân Hà, Tân Quang, Minh Xuân, Phan Thiết và toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trung Môn, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Phú.	5	34,90	634,55	72.000	480,00	15.123	21,00	x		

3	Phường Nông Tiến	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Nông Tiến, xã Trảng Đà và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thái Bình	1	26,99	490,73	15.393	102,62	2.224	14,45	x		
4	Phường An Tường	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường: Hưng Thành, An Tường và toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số các xã: Hoàng Khai, Lương Vượng, An Khang.	4	53,44	971,72	42.952	286,35	9.648	22,46	x		
5	Phường Bình Thuận	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thái Long và phường Đội Cấn	1	46,34	842,58	18.626	124,17	5.999	32,21	x		
B		TỈNH HÀ GIANG										
I		Huyện Đồng Văn										
1	Xã Lũng Cú	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Lũng Cú, Má Lè, Lũng Táo	2	95,20	95,20	15.115	604,60	14.663	97,01	x		
2	Xã Đồng Văn	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Đồng Văn, các xã: Tả Lũng, Tả Phìn, Thài Phìn Tủng của huyện Đồng Văn và xã Pải Lũng của huyện Mèo Vạc	4	122,49	122,49	26.015	1.040,60	24.321	93,49	x		
3	Xã Sà Phìn	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Sà Phìn, Sùng Là, Sính Lũng, Sảng Tủng	3	83,50	83,50	16.816	672,64	16.209	96,39	x		
4	Xã Phố Bàng	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Phố Bàng, các xã: Phố Là, Phố Cáo, Lũng Thầu	3	77,71	77,71	15.593	623,72	15.005	96,23	x		
5	Xã Lũng Phìn	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Sùng Trái, Hồ Quảng Phìn, Lũng Phìn	2	69,46	69,46	16.476	659,04	15.576	94,54	x		
II		HUYỆN MÈO VẠC										
1	Xã Sùng Máng	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Lũng Chinh, Sùng Trà và Sùng Máng	2	76,15	76,15	12.568	502,72	12.165	96,79	x		

2	Xã Sơn Vi	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Sơn Vi, Thượng Phùng và Xín Cái	2	110,62	110,62	19.975	799,00	19.306	96,65	x		
3	Xã Mèo Vạc	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Mèo Vạc, các xã: Giàng Chu Phìn, Tả Lùng và Pả Vi	3	92,21	92,21	19.675	787,00	17.486	88,87	x		
4	Xã Khâu Vai	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Cán Chu Phìn, Lũng Pù và Khâu Vai	2	107,46	107,46	22.755	910,20	21.934	96,39	x		
5	Xã Niêm Sơn	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Niêm Tông và Niêm Sơn	1	81,73	81,73	12.255	490,20	11.699	95,46	x		Sau sắp xếp, xã Niêm Sơn chưa đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên theo tiêu chuẩn định hướng. Tuy nhiên, điều kiện địa hình không phù hợp khi sáp nhập thêm với các ĐVHC liền kề; đồng thời hiện tại, xã Niêm Sơn đã có quy mô dân số lớn (12.255 người, đạt 490,2% so với tiêu chuẩn), nếu sáp nhập thêm với ĐVHC liền kề (đã đạt tiêu chuẩn cả về diện tích, dân số) sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền cơ sở; ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn xã sau sắp xếp.
6	Xã Tát Ngà	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Tát Ngà và Nậm Ban	1	90,60	90,60	7.765	310,60	7.682	98,93	x		Sau sắp xếp xã Tát Ngà chưa đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên theo tiêu chuẩn định hướng. Tuy nhiên, điều kiện địa hình không phù hợp khi sáp nhập thêm với các ĐVHC liền kề; đồng thời hiện tại, xã Tát Ngà đã có quy mô dân số lớn (7.765 người, đạt 310,6% so với tiêu chuẩn), nếu sáp nhập thêm với ĐVHC liền kề (đã đạt tiêu chuẩn cả về diện tích, dân số) sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền cơ sở; ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn xã sau sắp xếp..
III	HUYỆN YÊN MINH											
1	Xã Thắng Mố	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Thắng Mố, Sùng Cháng và Sùng Thái	2	67,71	67,71	16.397	655,88	15.667	95,55	x		
2	Xã Bạch Đích	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phú Lũng, Bạch Đích và Na Khê	2	95,17	95,17	12.747	509,88	12.336	96,78	x		

3	Xã Yên Minh	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Lao Và Chải, Hữu Vinh, Đông Minh, thị trấn Yên Minh của huyện Yên Minh và xã Văn Chải của huyện Đồng Văn	4	154,70	154,70	26.556	1.062,24	24.151	90,94	x		
4	Xã Mậu Duệ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Ngam La, Mậu Duệ và Mậu Long	2	163,31	163,31	19.005	760,20	18.193	95,73	x		
5	Xã Ngọc Long	Giữ nguyên toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Ngọc Long	0	84,26	84,26	9.989	399,56	9.694	97,05	x		
6	Xã Du Già	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Du Già và Du Tiên	1	126,94	126,94	15.829	633,16	15.232	96,23	x		
7	Xã Đường Thượng	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Lũng Hồ và Đường Thượng	1	103,25	103,25	14.376	575,04	13.691	95,24	x		
IV	HUYỆN QUẢN BẠ											
1	Xã Lũng Tám	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Thái An, Lũng Tám và Đông Hà	2	124,14	124,14	10.971	438,84	10.581	96,45	x		
2	Xã Cán Tỷ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Cán Tỷ và Bát Đại Sơn	1	85,13	85,13	9.824	392,96	9.439	96,08	x		
												Sau sắp xếp, xã Cán Tỷ chưa đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên theo tiêu chuẩn định hướng. Tuy nhiên, điều kiện địa hình không phù hợp khi sáp nhập thêm với các ĐVHC liền kề; đồng thời hiện tại, xã Cán Tỷ đã có quy mô dân số lớn (9.824 người, đạt 392,96% so với tiêu chuẩn), nếu sáp nhập thêm với ĐVHC liền kề (đã đạt tiêu chuẩn cả về diện tích, dân số) sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền cơ sở; ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn xã sau sắp xếp.

3	Xã Nghĩa Thuận	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Thanh Vân và Nghĩa Thuận	1	80,12	80,12	9.900	396,00	9.522	96,18	x		Sau sắp xếp, xã Nghĩa Thuận chưa đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên theo tiêu chuẩn định hướng. Tuy nhiên, điều kiện địa hình không phù hợp khi sáp nhập thêm với các ĐVHC liền kề; đồng thời lại có đặc thù địa bàn biên giới và xã Nghĩa Thuận đã có quy mô dân số lớn (9.900 người, đạt 396% so với tiêu chuẩn), nếu sáp nhập thêm với ĐVHC liền kề (đã đạt tiêu chuẩn cả về diện tích, dân số) sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền cơ sở; ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn xã sau sắp xếp.
4	Xã Quản Bạ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Tam Sơn, các xã: Quyết Tiến và Quản Bạ	2	102,87	102,87	18.436	737,44	15.909	86,29	x		
5	Xã Tùng Vài	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Tùng Vài, Cao Mã Pờ và Tà Ván	2	149,98	149,98	11.221	448,84	10.927	97,38	x		
V	HUYỆN BẮC MÊ											
1	Xã Yên Cường	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phiêng Luông và Yên Cường	1	116,90	116,90	9.741	389,64	9.076	93,17	x		
2	Xã Đường Hồng	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Đường Hồng, Đường Âm và Phú Nam	2	135,42	135,42	11.645	465,80	11.204	96,21	x		
3	Xã Bắc Mê	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Yên Phong, Lạc Nông và thị trấn Yên Phú	2	154,30	154,30	13.043	521,72	10.418	79,87	x		
4	Xã Giáp Trung	Giữ nguyên toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Giáp Trung	0	73,21	73,21	6.220	248,80	6.057	97,38	x		Có vị trí biệt lập

5	Xã Minh Sơn	Giữ nguyên toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Minh Sơn	0	146,96	146,96	7.737	309,48	7.151	92,43	x		
6	Xã Minh Ngọc	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Thượng Tân, Minh Ngọc và một phần của xã Yên Định (gồm 7,9 km2 và 413 người)	1	159,34	159,34	7.878	315,12	7.122	90,40	x		
VI	THÀNH PHỐ HÀ GIANG											
1	Xã Ngọc Đường	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã: Ngọc Đường của thành phố Hà Giang và phần còn lại của xã Yên Định, huyện Bắc Mê (gồm 69,93 km2 và 3.698 người) sau khi đã chuyển một phần sang xã Minh Ngọc	1	98,07	98,07	7.858	314,32	6.577	83,70	x		Sau sắp xếp, xã Ngọc Đường chưa đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên theo tiêu chuẩn định hướng. Tuy nhiên, điều kiện địa hình giao thông trải dài, không phù hợp khi sáp nhập thêm với các ĐVHC liền kề; đồng thời hiện tại, xã Ngọc Đường đã có quy mô dân số lớn (7.858 người, đạt 314,32% so với tiêu chuẩn), nếu sáp nhập thêm với ĐVHC liền kề (đã đạt tiêu chuẩn cả về diện tích, dân số) sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền cơ sở; ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn xã sau sắp xếp.
2	Phường Hà Giang 1	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phương Độ, Phương Thiện, phường Nguyễn Trãi và Một phần của phường Quang Trung (gồm 1,0 km2 và 1.134 người)	2	82,69	1503,42	21.652	144,35	8.840	40,83	x		
3	Phường Hà Giang 2	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phong Quang của huyện Vị Xuyên; phường Ngọc Hà, Trần Phú, Minh Khai và phần còn lại của phường Quang Trung (gồm 10,40 km2 và 4.860 người) sau khi đã điều chỉnh một phần sang P. Hà Giang 1	4	60,62	1.102,17	33.100	220,67	9.689	29,27	x		
VII	HUYỆN VỊ XUYỀN											
1	Xã Lao Chải	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Lao Chải, Xín Chải và Thanh Đức	2	98,87	98,87	4.568	182,72	4.461	97,66	x		

2	Xã Thanh Thủy	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Thanh Thủy và Phương Tiến	1	101,77	101,77	6.394	255,76	6.073	94,98	x		
3	Xã Minh Tân	Giữ nguyên toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Minh Tân	0	105,70	105,70	7.485	299,40	6.982	93,28	x		
4	Xã Thuận Hoà	Giữ nguyên toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thuận Hoà	0	108,40	108,40	7.915	316,60	7.467	94,34	x		
5	Xã Tùng Bá	Giữ nguyên toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tùng Bá	0	120,49	120,49	8.225	329,00	8.217	99,90	x		
6	Xã Phú Linh	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Kim Thạch, Phú Linh và Kim Linh	2	112,37	112,37	12.270	490,80	11.482	93,58	x		
7	Xã Linh Hồ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Linh Hồ, Ngọc Linh và Trung Thành	2	181,44	181,44	21.725	869,00	16.594	76,38	x		
8	Xã Bạch Ngọc	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Ngọc Minh và Bạch Ngọc	1	184,51	184,51	9.660	386,40	9.218	95,42	x		
9	Xã Vị Xuyên	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã: Đạo Đức, thị trấn Vị Xuyên, thị trấn Nông trường Việt Lâm và một phần của xã Việt Lâm (gồm 3,4 km ² và 1.179 người)	2	80,44	80,44	23.898	955,92	9.860	41,26	x		
10	Xã Việt Lâm	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Ngần và phần còn lại của xã Việt Lâm (gồm 27,93 km ² và 3.658 người) sau khi đã chuyển một phần sang xã Vị Xuyên	1	92,66	92,66	6.419	256,76	5.623	87,60	x		Sau sắp xếp, xã Việt Lâm chưa đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên theo tiêu chuẩn định hướng. Tuy nhiên, điều kiện địa hình giao thông trải dài, không phù hợp khi sáp nhập thêm với các ĐVHC liền kề; đồng thời hiện tại, xã Việt Lâm đã có quy mô dân số lớn (6.419 người, đạt 256,76% so với tiêu chuẩn), nếu sáp nhập thêm với ĐVHC liền kề (đã đạt tiêu chuẩn cả về diện tích, dân số) sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền cơ sở; ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn xã sau sắp xếp.
11	Xã Cao Bồ	Giữ nguyên toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Cao Bồ	0	111,18	111,18	4.211	168,44	4.090	97,13	x		

12	Xã Thượng Sơn	Giữ nguyên toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thượng Sơn	0	142,60	142,60	6.144	245,76	5.951	96,86	x		
VIII	HUYỆN BẮC QUANG											
1	Xã Tân Quang	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Tân Thành, Tân Quang và Tân Lập	2	174,14	174,14	12.425	497,00	6.355	51,15	x		
2	Xã Đồng Tâm	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Đồng Tâm, Đồng Tiến và Thượng Bình	2	156,97	156,97	10.629	425,16	9.869	92,85	x		
3	Xã Liên Hiệp	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Hữu Sắn, Liên Hiệp và Đức Xuân	2	166,67	166,67	10.566	422,64	10.262	97,12	x		
4	Xã Bằng Hành	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Kim Ngọc, Bằng Hành và Vô Điểm	2	151,72	151,72	16.560	662,40	14.812	89,44	x		
5	Xã Bắc Quang	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Quang Minh, Việt Vinh và thị trấn Việt Quang	2	141,93	141,93	33.644	1.345,76	20.612	61,27	x		
6	Xã Hùng An	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Hùng An, Việt Hồng và Tiên Kiều	2	118,57	118,57	17.224	688,96	11.722	68,06	x		
7	Xã Vĩnh Tuy	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Vĩnh Hào, Đông Thành và thị trấn Vĩnh Tuy	2	115,85	115,85	12.054	482,16	6.426	53,31	x		
8	Xã Đồng Yên	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Vĩnh Phúc và Đồng Yên	1	79,36	79,36	18.326	733,04	12.505	68,24	x		Sau sắp xếp, xã Đồng Yên chưa đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên theo tiêu chuẩn định hướng. Tuy nhiên, điều kiện địa hình giao thông trải dài, không phù hợp khi sáp nhập thêm với các ĐVHC liền kề; đồng thời hiện tại, xã Đồng Yên đã có quy mô dân số rất cao (18.326 người, đạt 733,04% so với tiêu chuẩn), nếu sáp nhập thêm với ĐVHC liền kề (đã đạt tiêu chuẩn cả về diện tích, dân số) sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền cơ sở; ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn xã sau sắp xếp.
IX	HUYỆN QUANG BÌNH											

1	Xã Tiên Yên	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Vĩ Thượng, Tiên Yên và Hương Sơn	2	97,18	97,18	14.241	569,64	12.914	90,68	x		
2	Xã Xuân Giang	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Xuân Giang và Nà Khương	1	86,06	86,06	9.234	369,36	8.494	91,99	x		Sau sắp xếp, xã Xuân Giang chưa đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên theo tiêu chuẩn định hướng. Tuy nhiên, điều kiện địa hình, giao thông không phù hợp khi sáp nhập thêm với các ĐVHC liền kề; đồng thời hiện tại, xã Xuân Giang đã có quy mô dân số lớn (9.234 người, đạt 369,36% so với tiêu chuẩn), nếu sáp nhập thêm với ĐVHC liền kề (đã đạt tiêu chuẩn cả về diện tích, dân số) sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền cơ sở; ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn xã sau sắp xếp.
3	Xã Bằng Lang	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Yên Hà và Bằng Lang	1	115,66	115,66	12.167	486,68	11.008	90,47	x		
4	Xã Yên Thành	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Bàn Rạ và Yên Thành	1	78,59	78,59	5.748	229,92	5.667	98,59	x		Sau sắp xếp, xã Yên Thành chưa đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên theo tiêu chuẩn định hướng. Tuy nhiên, điều kiện địa hình giao thông trải dài, sau khi sắp xếp thành ĐVHC biệt lập, khó kết nối giao thông nếu sáp nhập thêm ĐVHC liền kề (đã đạt tiêu chuẩn cả về diện tích, dân số) sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền cơ sở; ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn xã sau sắp xếp.
5	Xã Quang Bình	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Yên Bình và xã Tân Nam	1	130,14	130,14	10.635	425,40	8.915	83,83	x		
6	Xã Tân Trịnh	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Tân Bắc và Tân Trịnh	1	114,75	114,75	10.780	431,20	9.930	92,12	x		
7	Xã Tiên Nguyên	Giữ nguyên toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tiên Nguyên	0	90,13	90,13	5.027	201,08	4.964	98,75	x		Có vị trí biệt lập
X	HUYỆN HOÀNG SU PHÌ									x		
1	Xã Thông Nguyên	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Xuân Minh, huyện Quang Bình và xã Thông Nguyên của huyện Hoàng Su Phì	1	108,70	108,70	6.255	250,20	6.009	96,07	x		

2	Xã Hồ Thầu	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Khoà, Hồ Thầu và Nam Sơn	2	136,83	136,83	8.709	348,36	8.165	93,75	x		
3	Xã Nậm Dịch	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Ty, Nậm Dịch và Tả Sừ Choóng	2	97,78	97,78	8.540	341,60	8.400	98,36	x		
4	Xã Tân Tiến	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Bản Nhùng, Tân Tiến và Túng Sán	2	84,40	84,40	10.385	415,40	10.153	97,77	x		
5	Xã Hoàng Su Phì	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Bản Luốc, Ngàm Đăng Vài, Tụ Nhân, Đán Ván và thị trấn Vinh Quang	4	86,65	86,65	15.645	625,80	13.714	87,66	x		
6	Xã Thàng Tín	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pồ Lồ, Thèn Chu Phìn và Thàng Tín	2	70,78	70,78	7.638	305,52	7.533	98,63	x		
7	Xã Bản Máy	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Bản Phùng, Bản Máy và Chiến Phố	2	76,17	76,17	9.792	391,68	9.418	96,18	x		
8	Xã Pờ Ly Ngải	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pờ Ly Ngải, Sán Sả Hồ và Nàng Đôn	2	49,34	49,34	6.239	249,56	6.112	97,96	x		
XI	HUYỆN XÍN MÀN											
1	Xã Xín Mần	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Thèn Phàng, Nàn Xin, Xín Mần, Bản Dú và Chí Cà	4	125,24	125,24	19.596	783,84	18.718	95,52	x		
2	Xã Pà Vầy Sủ	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pà Vầy Sủ, Nàn Ma, Bản Ngò và thị trấn Cốc Pài	3	83,30	83,30	15.806	632,24	13.603	86,06	x		
3	Xã Nám Dăn	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nám Dăn, Chế Là và Tả Nhùi	2	86,11	86,11	11.929	477,16	10.982	92,06	x		
4	Xã Trung Thịnh	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Cốc Rế, Thu Tả và Trung Thịnh	2	72,11	72,11	12.277	491,08	11.995	97,70	x		

5	Xã Quảng Nguyên	Giữ nguyên toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Nguyên	0	99,48	99,48	5.949	237,96	5.652	95,01	x		Có vị trí biệt lập
6	Xã Khuôn Lùng	Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nà Chì và Khuôn Lùng	1	120,28	120,28	8.016	320,64	7.725	96,37	x		